

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
Tỉnh Hậu Giang**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST

Ngày: 15-02-2023

V/v: Tranh chấp thừa kế quyền sử  
dụng đất; yêu cầu chia tài sản  
chung và hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đua

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Trần Thị Kim Thắm

2/ Bà Nguyễn Hoa Lài

*Thư ký phiên tòa:* Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu  
Thành A, tỉnh Hậu Giang.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A:* Ông Trần Văn Tân  
– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh  
Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số  
154/2020/TL.ST-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp thừa kế quyền  
sử dụng đất và yêu cầu chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số  
12/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Mai Thị B

Địa chỉ: ấp Nhơn Thuận 1C, xã Nhơn Nghĩa B, huyện Châu Thành A, tỉnh  
Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Văn H

Địa chỉ: 504 đường Trần Hưng Đ, phường Lê B, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn:* Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T2

Địa chỉ: ấp Nhơn Thuận 1C, xã Nhơn Nghĩa B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền anh Đ, anh T: Nguyễn Tiến C

Địa chỉ: ấp Thị T, thị trấn Một N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Huỳnh Văn N, Huỳnh Văn Bé E, Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Thúy E, Huỳnh Văn L, Nguyễn Thị Bích T

Cùng địa chỉ: ấp Nhơn Thuận 1C, xã Nhơn Nghĩa B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Nguyễn Tiến C

Địa chỉ: ấp Thị T, thị trấn Một N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

(Chị Thúy E và anh L vắng mặt, các đương sự còn lại có mặt)

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền Trần Văn C – Chức vụ Trưởng phòng kinh doanh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Châu Thành A.

Địa chỉ: ấp Thị T, thị trấn Một N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.  
(vắng mặt)

4. *Người làm chứng*

- Huỳnh Văn L, đại chỉ: 247 đường Huỳnh C, phường An C, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt tại phiên tòa)

- Huỳnh Văn M, địa chỉ: ấp Nhơn Hưng B, xã Nhơn N, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt tại phiên tòa)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng tại tòa án

người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Nguyễn Văn H trình bày: Tại đơn khởi kiện ngày 19/3/2020, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung của ông Huỳnh Văn T và bà Mai Thị B phần đất có diện tích 8.914m<sup>2</sup> tại ấp Nhơn Thuận 1C, xã Nhơn Nghĩa B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang và chia thừa kế phần di sản của ông Huỳnh Văn T để lại. Do quá trình đo đạc xác định diện tích chính xác là 10.590,7m<sup>2</sup> nên bà B khởi kiện bổ sung yêu cầu phân chia tài sản chung của ông Huỳnh Văn T và bà Mai Thị B phần đất có diện tích 10.590,7 m<sup>2</sup> tại ấp Nhơn Thuận 1C, xã Nhơn Nghĩa B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, 14 chỉ vàng 24k cổ đất của ông Phan Văn H và chia thừa kế phần di sản của ông Huỳnh Văn T để lại theo pháp luật. Quá trình tố tụng bà B rút lại yêu cầu chia thừa kế căn nhà đang thờ cúng ông T do bà T đang quản lý và 14 chỉ vàng 24K. Lúc sinh thời ông Huỳnh Văn T có 03 người vợ cụ thể: Ông Huỳnh Văn T sống chung với bà Trần Thị M có 02 người con là Huỳnh Văn N và Huỳnh Văn Bé E. Bà M chết nhưng không xác định được năm nào. Sau khi bà M chết ông Huỳnh Văn T kết hôn với bà Mai Thị B, có đăng ký kết hôn và có 03 người con gồm Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Thị Thúy E và Huỳnh Văn L. Ngoài ra, ông Huỳnh Văn T sống chung với bà Nguyễn Thị Bích T không có đăng ký kết hôn và có 03 người con gồm Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Đ và Huỳnh Văn T2. Ông Huỳnh Văn T sống chung với bà Mai Thị B có tạo lập khối tài sản gồm phần đất có diện tích 10.590,7m<sup>2</sup>. Ngày 06/9/2019 ông Huỳnh Văn T chết không có lập di chúc nên bà Mai Thị B khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của ông Huỳnh Văn T và bà Mai Thị B phần đất có diện tích 10.590,7m<sup>2</sup> tại ấp Nhơn Thuận 1C, xã Nhơn Nghĩa B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang và chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của ông Huỳnh Văn T để lại. Phía nguyên đơn không yêu cầu chia thừa kế phần nền mộ và lối đi vào nền mộ của gia đình tại phần đất có vị trí số 1 và số 13 theo mảnh trích đo địa chính số 02-2021 ngày 11/01/2021 của Công ty TNHH đo đạc tài nguyên và môi trường Sông Hậu.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung gồm phần đất số 7 có diện tích 1.787,8m<sup>2</sup>, phần đất số 5 có diện tích 540,5m<sup>2</sup>, phần đất số 2 có diện tích 1150,7m<sup>2</sup>. Phía nguyên đơn đồng ý chia thừa kế cho ông Huỳnh Văn N phần đất có diện tích là 1.596 m<sup>2</sup> và đồng ý chia thừa kế cho ông Huỳnh Văn Bé E phần đất có diện tích là 1.516 m<sup>2</sup>. Phía nguyên đơn không yêu cầu chia thừa kế phần đất nền mộ có diện tích là 475.4m<sup>2</sup> và đường đi vào nền mộ có diện tích là 133,9 m<sup>2</sup>, công nhận các phần đất này cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn T, giao cho ông Huỳnh Văn N quản lý. Không yêu cầu giải quyết cây trồng trên

đất.

Quá trình tố tụng tại tòa án, bị đơn Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Đ có người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Tiến C trình bày: Phía bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguồn gốc phần đất tranh chấp không phải là của ông Huỳnh Văn T và bà Mai Thị B tạo lập mà phần đất này là của ông T thừa kế tài sản từ cha, mẹ của ông T để lại. Ông Huỳnh Văn T có 03 người vợ và các con như phía nguyên đơn trình bày. Năm 1990 bà B bỏ ông Huỳnh Văn T đi làm nhưng không biết đi đâu nên ông T sống chung với bà Nguyễn Thị Bích T. Do các con đến tuổi đi học nên ông T làm giấy đăng ký kết hôn với bà B để làm giấy khai sinh cho các con của bà T đi học, lúc này bà B không có ở nhà nên chỉ có ông T ký tên trong giấy đăng ký kết hôn. Khi còn sống ông Huỳnh Văn T có vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Châu Thành A số tiền là 45.000.000 đồng. Khi ông T chết bà T đã trả nợ gốc là 5.000.000 đồng và tiền lãi cho đến hôm nay. Ngoài ra, ông T có mượn đất của bà Huỳnh Thị Đ 02 công đất ruộng cổ của ông Phan Văn H với giá cổ là 14 chỉ vàng 24k. Đây là phần vàng của bà Đ nên bị đơn rút lại phần yêu cầu chia thừa kế phần vàng này. Nay bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn Huỳnh Văn T2 trình bày: Thống nhất với phần trình bày của anh C.

Tại phiên tòa ông không yêu cầu giải quyết về cây trồng trên đất, nếu cây thuộc phần đất của ai thì người đó được hưởng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn N trình bày: Lúc sinh thời cha anh có cho anh một cái nền nhà, một cái bờ và một công đất ruộng. Tuy nhiên hiện nay anh đã lên bờ trồng xoài, hạnh, dừa, cóc...đối với phần đất nền nhà cha anh đã tách ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh xong. Đối với phần đất bờ hiện nay chưa tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay, anh yêu cầu chia thừa kế cho anh phần đất vườn theo kết quả đo đạc định giá là 1.596 m<sup>2</sup>.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn Bé E trình bày: Anh cũng thống nhất với phần trình bày của anh Ngoan. Anh cũng được cha cho anh một cái nền nhà, một cái bờ và một công đất ruộng đối với phần đất nền nhà cha anh đã tách ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh xong. Đối với phần đất bờ hiện nay chưa tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay anh yêu cầu chia thừa kế cho anh phần đất vườn theo kết quả đo đạc định giá là 1.516,5 m<sup>2</sup>.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bích T trình bày: Đối với phần di sản ông T để lại bà có công sức đóng góp, nếu chia thừa kế bà cũng có yêu cầu tính công sức đóng góp của bà vào khối di sản này. Bà đồng ý chia thừa kế

cho ông Huỳnh Văn N phần đất có diện tích là 1.596 m<sup>2</sup> và đồng ý chia thừa kế cho ông Huỳnh Văn Bé E phần đất có diện tích là 1.516 m<sup>2</sup>.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Bé T trình bày: Chị là con của ông Huỳnh Văn T và bà Mai Thị B. Lúc sinh thời cha mẹ của chị có tạo lập khối tài sản chung như phần trình bày của nguyên đơn. Chị có yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Huỳnh Văn T theo pháp luật. Chị có yêu cầu không hòa giải và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thúy E trình bày: Chị là con của ông Huỳnh Văn T và bà Mai Thị B. Lúc sinh thời cha mẹ của chị có tạo lập khối tài sản chung như phần trình bày của nguyên đơn. Chị có yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Huỳnh Văn T theo pháp luật. Chị có yêu cầu không hòa giải và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn L trình bày: Anh là con của ông Huỳnh Văn T và bà Mai Thị B. Lúc sinh thời cha mẹ của anh có tạo lập khối tài sản chung như phần trình bày của nguyên đơn. Anh có yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Huỳnh Văn T theo pháp luật. Anh có yêu cầu không hòa giải và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (gọi tắt là ngân hàng) có người đại diện theo ủy quyền là anh Trần Văn C trình bày: Ngày 16/12/2014 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Châu Thành A có ký kết hợp đồng tín dụng số 7005-LAV-201404819 với ông Huỳnh Văn T. Theo hợp đồng thì ngân hàng cho ông Huỳnh Văn T vay số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất trong hạn là 9,50%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay ông Huỳnh Văn T đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E644324 ngày 30/5/1996. Quá trình vay phía ông T đã trả được 10.000.000 đồng nợ tiền gốc. Nay ông T còn nợ số tiền gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.426.110 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 14/02/2023 là 4.069.168 đồng. Nay, ông Huỳnh Văn T đã chết nên ngân hàng yêu cầu những người thừa kế của ông T có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.426.110 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 14/02/2023 là 4.069.168 đồng tiền lãi sinh kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023 theo hợp đồng tín dụng số 7005-LAV-201404819 ngày 16/12/2014 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Người làm chứng Huỳnh Văn L trình bày tại Tờ tường trình ngày

18/12/2020: Ông xác định ông T có 03 người vợ như nguyên đơn và bị đơn trình bày. Về nguồn gốc tài sản là của cha mẹ ông T để cho ông T. Đối với căn nhà đang thờ cúng ông T được xây dựng từ nguồn tiền của của chị em ông T, trong đó bà Sáu Đ hùn tiền nhiều nhất nên ông xác định căn nhà này không liên quan đến tài sản chung của ông T và bà B.

Người làm chứng ông Huỳnh Văn M tại biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2021: Ông cũng xác định lúc sinh thời ông Tám có 03 người vợ như nguyên đơn và bị đơn trình bày. Nguồn gốc căn nhà là của bà Huỳnh Thị Đ đang sống bên Mỹ bỏ tiền ra xây dựng để thờ cúng tổ tiên, không phải tiền của ông T và bà B. Ông có yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu quan điểm:*

Về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận với nhau về giải quyết nội dung vụ án nên kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận phần đất số 14 có diện tích 135,0m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn L; công nhận phần đất số 2, số 5 có diện tích 1.691,2m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Bích T; công nhận phần đất số 7 có diện tích 4.787,8m<sup>2</sup> cho bà Mai Thị B, chị Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T và Huỳnh Văn L; công nhận phần đất số 6 và số 4 có diện tích 1.516,5m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn Bé E; công nhận phần đất số 3 và số 8 có diện tích 1.596m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn N; công nhận phần đất số 1 và số 13 có tổng diện tích 609,3m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Văn Bé E, Mai Thị B, chị Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T2 giao cho ông Huỳnh Văn N quản lý. Đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

Đối với phần nợ ngân hàng các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về phần tiền phải trả cho Ngân hàng cụ thể: ông Huỳnh Văn N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền là 5.000.000 đồng. Ông Huỳnh Văn Bé E có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền là 5.000.000 đồng. Bà Mai Thị B, Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Văn L trả cho Ngân hàng số tiền là 21.747.639 đồng và tiền lãi sinh kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023 theo hợp đồng tín dụng số 7005-LAV-201404819 ngày 16/12/2014 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng. Bà Nguyễn Thị Bích T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T2 trả cho Ngân hàng số tiền là 21.747.639 đồng và tiền lãi sinh kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023 theo hợp đồng tín dụng số

7005-LAV-201404819 ngày 16/12/2014 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Đối với yêu cầu chia tài sản căn nhà đang thờ cúng ông T và phần 14 chỉ vàng 24K. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn rút yêu cầu này nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

Về chi phí đo đạc, định giá và án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:* Bà Mai Thị B khởi kiện ông Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T2 yêu cầu tòa án chia tài sản chung của bà và ông Huỳnh Văn T phần đất có diện tích 10.590,7 m<sup>2</sup> tại ấp Nhơn Thuận 1C, xã Nhơn Nghĩa B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang và chia thừa kế phần di sản của ông Huỳnh Văn T để lại theo pháp luật; chị Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Thị Thúy E, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn N, Huỳnh Văn Bé E yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của của ông T để lại. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.426.110 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 14/02/2023 là 4.069.168 đồng và tiền lãi sinh kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023 theo hợp đồng tín dụng số 7005-LAV-201404819 ngày 16/12/2014. Phía bị đơn không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có địa chỉ tại huyện Châu Thành A nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thúy E, Huỳnh Văn L và anh Trần Văn C vắng mặt nhưng lời khai đã thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C, anh L và chị Thúy E.

Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 01

năm 2023 xác định ông Nguyễn Văn H và ông Phan Văn H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác vì tại phiên tòa các đương sự khai phần 14 chỉ vàng cổ đất của ông Phan Văn H là vàng của bà Huỳnh Thị Đ (chị ruột ông T đang sống bên Mỹ) nhờ ông Huỳnh Văn T đứng tên cổ đất của ông H để cho ông Tám canh tác nuôi các con. Sau đó cổ lại cho ông Nguyễn Văn H nên Hội đồng xét xử xác định ông Nguyễn Văn H và ông Phan Văn H không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023 còn xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế, tuy nhiên quá trình tố tụng xác định ông T có vay tiền của Ngân hàng, phía ngân hàng có yêu cầu độc lập nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và tranh chấp hợp đồng tín dụng.

*[2] Về nội dung vụ án:*

[2.1] Xét yêu cầu của bà Mai Thị B về phân chia tài sản chung phần đất có diện tích 10.590,7 m<sup>2</sup> tại ấp Nhơn Thuận 1C, xã Nhơn Nghĩa B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang và chia thừa kế phần di sản của ông Huỳnh Văn T để lại. Hội đồng xét xử nhận thấy lúc sinh thời ông Huỳnh Văn T sống chung với bà Mai Thị B có 03 người con là Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Thị Thúy E và Huỳnh Văn L, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông T có đăng ký kết hôn, thể hiện tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13 ngày 19/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Nghĩa B, huyện Châu Thành A, tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang) nên xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ngoài ra, ông Huỳnh Văn T sống chung với bà Nguyễn Thị Bích T có 03 người con là Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn T1 và Huỳnh Văn Đ nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T là vợ chồng nên xác định bà Thủy không phải là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn T. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn T bao gồm Huỳnh Văn N, Huỳnh Văn Bé E, Mai Thị B, Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T2. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất thỏa thuận với nhau và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận các phần đất như sau: Công nhận phần đất số 14 có diện tích 135,0m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn L; công nhận phần đất số 2, số 5 có diện tích 1.691,2m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh



Văn 1ú, Huỳnh Văn Đạt, Huỳnh Văn T2 và bà Nguyễn Thị Bích T; công nhận phần đất số 7 có diện tích 4.787,8m<sup>2</sup> cho bà Mai Thị B, chị Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T và Huỳnh Văn L; công nhận phần đất số 6 và số 4 có diện tích 1.516,5m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn Bé E; công nhận phần đất số 3 và số 8 có diện tích 1.596m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn N; công nhận phần đất số 1 và số 13 có tổng diện tích 609,3m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Văn Bé E, Mai Thị B, chị Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T2 giao cho ông Huỳnh Văn N quản lý. Đây là ý chí tự nguyện của các đương sự không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

Đối với yêu cầu chia căn nhà ông Huỳnh Văn T và 14 chỉ vàng cổ đất của ông Phan Văn H tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều xác định nhà do bà Đ bỏ tiền ra xây dựng và vàng của bà Đ cổ đất để cho ông T canh tác nên rút yêu cầu này, các đương sự khác thống nhất nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

Xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất trả tiền gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.426.110 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 14/02/2023 là 4.069.168 đồng. Tại phiên Tòa các đương sự thống nhất ông Huỳnh Văn N trả cho ngân hàng số tiền 5.000.000 đồng, ông Huỳnh Văn Bé E trả cho Ngân hàng số tiền là 5.000.000 đồng, bà Mai Thị B, chị Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Văn L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền là 21.747.639 đồng và tiền lãi sinh kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023 theo hợp đồng tín dụng số 7005-LAV-201404819 ngày 16/12/2014 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng; bà Nguyễn Thị Bích T, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền là 21.747.639 đồng và tiền lãi sinh kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023 theo hợp đồng tín dụng số 7005-LAV-201404819 ngày 16/12/2014 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Đây là ý chí tự nguyện của các đương sự không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về chi phí đo đạc, định giá: Số tiền chi phí đo đạc định giá là 22.928.000 đồng. Tại phiên tòa bà T tự nguyện chịu 11.464.000 đồng, bà B chịu 11.464.000 đồng. Do bà B nộp tạm ứng chi phí đo đạc thẩm định, định giá nên bà T có nghĩa vụ trả lại cho bà B số tiền này.

Về án phí: Ông Huỳnh Văn N được hưởng phần đất có diện tích số 3 và số 8 có tổng diện tích  $1.596\text{m}^2$ , giá trị là 298.952.000 đồng và phần 5.000.000 đồng phải trả cho ngân hàng nên phải chịu án phí cụ thể là:  $5\% \times (298.952.000 + 5.000.000) = 15.197.600$  đồng

Ông Huỳnh Văn Bé E được công nhận phần đất số 4 và số 6 có tổng diện tích là  $1.516,6\text{m}^2$ , giá trị là 287.036.500 đồng và phần 5.000.000 đồng phải trả cho ngân hàng nên phải chịu án phí cụ thể là:  $5\% \times (287.036.500 + 5.000.000) = 14.601.800$  đồng

Bà Mai Thị B, chị Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Văn L được công nhận phần đất số 7 có diện tích  $4.787,8\text{m}^2$  có giá trị là 818.713.800 đồng và phần tiền 21.747.639 đồng phải trả cho ngân hàng nên phải chịu án phí cụ thể là:  $36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 40.461.439 \text{ đồng}) = 37.213.800 \text{ đồng}$ . Bà Mai Thị B trên 60 tuổi nên phần tiền án phí của bà B được miễn là 9.303.450 đồng. Do vậy, chị Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Văn L còn phải chịu án phí là 27.910.000 đồng.

Anh Huỳnh Văn L chịu án phí phần đất số 14 có diện tích  $135,0\text{m}^2$  có giá trị là 118.125.000 đồng nên phải chịu án phí cụ thể là:  $5\% \times 118.125.000 \text{ đồng} = 5.906.200 \text{ đồng}$ .

Anh Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T2 và bà Nguyễn Thị Bích T được công nhận phần đất số 2, số 5 có tổng diện tích  $1.754,1\text{m}^2$ , giá trị 1.216.483.000 đồng và phần tiền 21.747.639 đồng phải trả cho ngân hàng nên chịu án phí cụ thể là:  $36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \text{ phần vượt } 800.000.000 \text{ đồng}$  nên án phí là 49.146.900 đồng.

Anh Huỳnh Văn N, Mai Thị B, Huỳnh Văn Bé T, chị Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T1 được công nhận phần đất số 1 và số 13 có tổng diện tích là  $609,3\text{m}^2$  giao cho anh Huỳnh Văn N quản lý có giá trị là 253.126.900 đồng nên phải chịu án phí cụ thể là  $5\% \times 253.126.900 \text{ đồng} = 12.656.345 \text{ đồng}$ . Do bà B đã trên 60 tuổi nên trừ phần tiền án phí của bà B là 1.406.260 đồng, phần tiền án phí của Huỳnh Văn N, Huỳnh Văn Bé T, chị Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T2 là 11.250.000 đồng

[5] Tại phiên tòa hôm nay, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục là đúng. Về nội dung vụ án kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị Hội đồng xét xử công nhận phần đất số 14 có diện tích 135,0m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn L; công nhận phần đất số 2, số 5 có diện tích 1.691,2m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T2 và bà Nguyễn Thị Bích T; công nhận phần đất số 7 có diện tích 4.787,8m<sup>2</sup> cho bà Mai Thị B, chị Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T và Huỳnh Văn L; công nhận phần đất số 6 và số 4 có diện tích 1.516,5m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn Bé E; công nhận phần đất số 3 và số 8 có diện tích 1.596m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn N; công nhận phần đất số 1 và số 13 có tổng diện tích 609,3m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Văn Bé E, Mai Thị B, chị Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T giao cho ông Huỳnh Văn N quản lý.

Đối với phần nợ Ngân hàng đề nghị Hội đồng xét xử công nhận ông Huỳnh Văn Nn có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền là 5.000.000 đồng, ông Huỳnh Văn Bé E có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền là 5.000.000 đồng. Bà Mai Thị B, chị Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Văn L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền là 21.747.639 đồng và tiền lãi sinh kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023 theo hợp đồng tín dụng số 7005-LAV-201404819 ngày 16/12/2014 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng. Bà Nguyễn Thị Bích T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền là 21.747.639 đồng và tiền lãi sinh kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023 theo hợp đồng tín dụng số 7005-LAV-201404819 ngày 16/12/2014 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng

Đối với yêu cầu chia tài sản căn nhà đang thờ cúng ông Tám và phần 14 chỉ vàng 24K. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn rút yêu cầu này nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

Về chi phí đo đạc, định giá và án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Các đề nghị trên của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227 Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 7 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Công nhận phần đất số 14 có diện tích 135,0m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn L; công nhận phần đất số 2, số 5 có diện tích 1.691,2m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T2 và bà Nguyễn Thị Bích T; công nhận phần đất số 7 có diện tích 4.787,8m<sup>2</sup> cho bà Mai Thị B, chị Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T và Huỳnh Văn L; công nhận phần đất số 6 và số 4 có diện tích 1.516,5m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn Bé E; công nhận phần đất số 3 và số 8 có diện tích 1.596m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn N; công nhận phần đất số 1 và số 13 có tổng diện tích 609,3m<sup>2</sup> cho ông Huỳnh Văn N, Huỳnh Văn Bé E, Mai Thị B, chị Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T2 giao cho ông Huỳnh Văn N quản lý.

(Kèm Bản đồ địa chính xã Nhơn Nghĩa A mảnh trích đo địa chính số 01 ngày 11/01/2021 và Bản đồ địa chính xã Nhơn Nghĩa A mảnh trích đo địa chính số 02 ngày 11/01/2021 Công ty TNHH đo đạc tài nguyên và môi trường Sông Hậu.

Công nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn N trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 5.000.000 đồng; ông Huỳnh Văn Bé E trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền là 5.000.000 đồng; bà Mai Thị B, Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Văn L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền là 21.747.639 đồng và tiền lãi sinh kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023 theo hợp đồng tín dụng số 7005-LAV-201404819 ngày 16/12/2014 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng; bà Nguyễn Thị Bích T, Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền là trả 21.747.639 đồng và tiền lãi sinh kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023 theo

hợp đồng tín dụng số 7005-LAV-201404819 ngày 16/12/2014 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Đình chỉ yêu cầu chia căn nhà đang thờ cúng ông Huỳnh Văn T tại địa chỉ Ấp Nhơn Thuận 1B, xã Nhơn Nghĩa A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang và yêu cầu chia thừa kế 14 chỉ vàng 24K của nguyên đơn và bị đơn.

Về chi phí đo đạc, định giá: Bà Mai Thị B phải chịu số tiền là 11.464.000 đồng, bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu số tiền là 11.464.000 đồng. Do bà B nộp tạm ứng chi phí đo đạc thẩm định, định giá nên bà T có nghĩa vụ trả lại cho bà B số tiền 11.464.000 đồng.

Về án phí:

Ông Huỳnh Văn N phải chịu án phí là 15.197.600 đồng

Ông Huỳnh Văn Bé E phải chịu án phí là 14.601.800 đồng.

Ông Huỳnh Văn L phải chịu án phí là 5.906.200 đồng.

Chị Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Văn L phải chịu án phí là 27.910.000 đồng.

Anh Huỳnh Văn T1, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T2 và bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí là 49.146.900 đồng.

Anh Huỳnh Văn N, Huỳnh Văn Bé T, chị Huỳnh Thúy E, Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn T phải là 11.250.000 đồng.

Bà Mai Thị B được miễn nộp tiền án phí nên Bà Mai Thị B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 14.856.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005687 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được nhận lại số tiền 1.091.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009704 ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyết định yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều

7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 15 tháng 02 năm 2023.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Đua**